

**Dự án Quản lý bền vững  
nguồn tài nguyên thiên nhiên miền Trung**



# **Báo cáo**

---

**Lập kế hoạch chiến lược  
Phát triển kinh tế địa phương  
tại huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình**

---

**Phạm Văn Hồng**

**Tháng 8, 2005**



## MỤC LỤC

<b>1. GIỚI THIỆU VÀ TÓM TẮT</b>	<b>1</b>
<b>2. CÁC TÀI LIỆU VÀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CHO HỘI THẢO</b>	<b>2</b>
<b>3. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN HỘI THẢO</b>	<b>3</b>
<b>4. NHỮNG KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC RÚT RA SAU HỘI THẢO</b>	<b>8</b>
<b>5. PHỤ LỤC</b>	<b>9</b>
Phụ lục 1. Tóm tắt kết quả phân tích tình hình hình phát triển kinh tế xã hội Huyện Tuyên Hoá	9
Phụ lục 2. Những điều quan tâm và đóng góp chính của các bên liên quan	12
Phụ lục 3. Đánh giá tình hình kinh tế xã hội huyện Tuyên Hoá	14
Phụ lục 4. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ	16
Phụ lục 5. Xác định tầm nhìn	17
Phụ lục 6. Kết quả thảo luận nhóm về xác định mục tiêu	17
Phụ lục 7. Kế hoạch hành động	18
Phụ lục 8. Chương trình hội thảo	21
Phụ lục 9. Danh sách các đại biểu tham dự	24

## 1. GIỚI THIỆU VÀ TÓM TẮT

Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung (QLBVNTNTN Miền Trung) là dự án tiếp nối dự án An toàn Lương thực Quảng Bình (ATLT QB đã được thực hiện từ năm 1996 - 2002 tại hai huyện thí điểm Tuyên Hóa và Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình). Mục tiêu tổng thể Dự án hướng đến đóng góp vào việc cải thiện điều kiện sống của người dân tại các vùng miền núi.

Chiến lược thực hiện chung của dự án là củng cố những thành quả của Dự án ATLT QB và phát triển thêm các kết quả cụ thể ở các lĩnh vực (các kết quả mong đợi của Dự án) về 1) lập kế hoạch phát triển thôn, xã dựa vào cộng đồng (VDP), 2) áp dụng các hệ thống canh tác phù hợp, 3) quản lý rừng dựa vào cộng đồng (QLRCĐ), và 4) tăng cường các cơ hội tạo thu nhập thông qua chế biến và tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ (LSNG).

Trong khuôn khổ định hướng và các hoạt động tăng cường hỗ trợ các cơ hội tạo thu nhập cho các nhóm mục tiêu (Hướng tới Kết quả 4), Dự án QLBVNTNTN Miền Trung áp dụng Phương pháp lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP - Một phương pháp lập kế hoạch phát triển tổng thể, đa ngành và đa lĩnh vực dựa trên cơ sở sự tham gia của nhiều đối tượng, một phương pháp cho phép áp dụng để lồng ghép vào quy trình lập kế hoạch truyền thống. Phương pháp lập kế hoạch phát triển KTĐP có thể được áp dụng ở các vùng khác nhau với các cấp độ phát triển về kinh tế khác nhau.

Dự án **Quản lý** bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên miền trung (SMNR-CV) đã giới thiệu và áp dụng phương pháp PTKTĐP ở tỉnh Quảng Bình thông qua sự phối hợp và sự tham gia của nhiều đối tượng ở cấp tỉnh tại Hội thảo lập kế hoạch PTKTĐP ở cấp tỉnh tại thành phố Đồng Hới, từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 3 năm 2005. với hơn 40 đại biểu đến tham dự Hội thảo từ các cấp chính quyền địa phương, các ban ngành, tổ chức quần chúng, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân cũng như các hợp tác xã liên quan. Trong đó có nhiều đại biểu là các nhà lãnh đạo cao cấp có liên quan trong việc ra quyết định. Hội thảo đã được các đại biểu tham dự đánh giá cao về phương pháp tiếp cận cũng như những kết quả hội thảo đạt được.

Để tiếp tục triển khai phương pháp lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP tại các cấp cơ sở, Dự án đã tiến hành tổ chức hội thảo lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP tại thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hoá trong 02 ngày, từ 9-10 tháng 8 năm 2005. Mục tiêu chính của hội thảo nhằm:

- Giới thiệu công cụ lập kế hoạch chiến lược tại Huyện Tuyên Hoá, tạo cơ hội để áp dụng phương pháp lập kế hoạch có sự tham gia cao hơn và mang tính điều phối rộng hơn bởi các bên liên quan chính trên địa bàn Huyện Tuyên Hoá.
- Xây dựng chiến lược phát triển của huyện Tuyên Hóa trong đó chú trọng vào các giải pháp để phát triển kinh tế của địa phương, phân tích để bổ sung các chiến lược, giải pháp cũng như kế hoạch thực hiện vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tuyên Hóa giai đoạn (2006 - 2010).

- Điều chỉnh và bổ sung chiến lược thực hiện các Kết quả của Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền trung trong thời gian tới.

Sau hai ngày làm việc, với sự tham gia của hơn 30 đại biểu từ các cơ quan, tổ chức và các doanh nghiệp trên địa bàn, Hội thảo đã thu được những thành công nhất định thông qua việc giới thiệu cách tiếp cận mới về phương pháp lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP, thông qua các hoạt động trao đổi, tranh luận và thảo luận nhóm, các đại biểu đã xây dựng được một tầm nhìn cho PTKTĐP, xây dựng và chọn lựa được 3 mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương dựa trên việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức mà địa phương đã đang và sẽ gặp phải trong quá trình phát triển kinh tế. Cuối cùng, các đại biểu cũng đã thống nhất về một kế hoạch hành động sơ bộ nhằm thực hiện các mục tiêu đó. Các đại biểu tham dự đã đánh giá cao phương pháp mới trong lập kế hoạch PTKTĐP, có thể bổ sung và lồng ghép với quy trình lập kế hoạch hiện tại để xây dựng được các chiến lược, mục tiêu, giải pháp cũng như các kế hoạch hoạt động mang tính thực tế, có tính khả thi cao trên cơ sở các nguồn lực hiện có của địa phương.

## 2. CÁC TÀI LIỆU VÀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ CHO HỘI THẢO

Tất cả các bước chuẩn bị Hội thảo đã được dự án sắp xếp, chuẩn bị, bao gồm:

1. Chuẩn bị cẩm nang hướng dẫn về PTKTĐP, làm định hướng cho các thành viên hướng dẫn Hội thảo (tài liệu này đã được chuẩn bị trước từ hội thảo cấp tỉnh),
2. Chuẩn bị tài liệu và bài trình bày về lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP. Tài liệu này đã được phát cho các đại biểu tham dự hội thảo.
3. Chuẩn bị tài liệu phân tích tình hình kinh tế xã hội huyện Tuyên Hoá. Báo cáo này được soạn dựa trên các báo cáo của các sở ban ngành, UBND tỉnh và huyện Tuyên Hoá cũng như các số liệu thứ cấp khác. Đây là một tài liệu quan trọng giúp các đại biểu tham dự hội thảo hiểu rõ hơn về tình hình phát triển kinh tế xã hội của Huyện, là căn cứ để các đại biểu thảo luận trong suốt quá trình hội thảo. Do đó, tài liệu này đã được gửi tới các phòng ban và các đơn vị chức năng của Huyện xin ý kiến đóng góp và đã nhận được những phản hồi tích cực<sup>1</sup> ([Xem phụ lục 1](#))
4. Chuẩn bị tài liệu phân tích các bên liên quan. Đây là một công cụ quan trọng nhằm xem xét khả năng tham gia vào quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP
5. Tổ chức cuộc họp trao đổi và thảo luận về các vấn đề quan trọng của PTKTĐP và các thông tin liên quan tại UBND Huyện Tuyên Hoá với sự tham gia của các đại biểu đại diện cho các cơ quan ban ngành, các tổ

---

<sup>1</sup> Báo cáo có sẵn ở tại Dự án

chức chính trị xã hội và một số doanh nghiệp của huyện<sup>2</sup>. Trong cuộc thảo luận này, các đại biểu cũng đã sơ bộ phân tích và đánh giá các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP.

6. Lên chương trình hội thảo tổng thể và danh sách các đại biểu tham dự ([xem phụ lục 8, 9](#)) cũng như các công tác hậu cần khác.

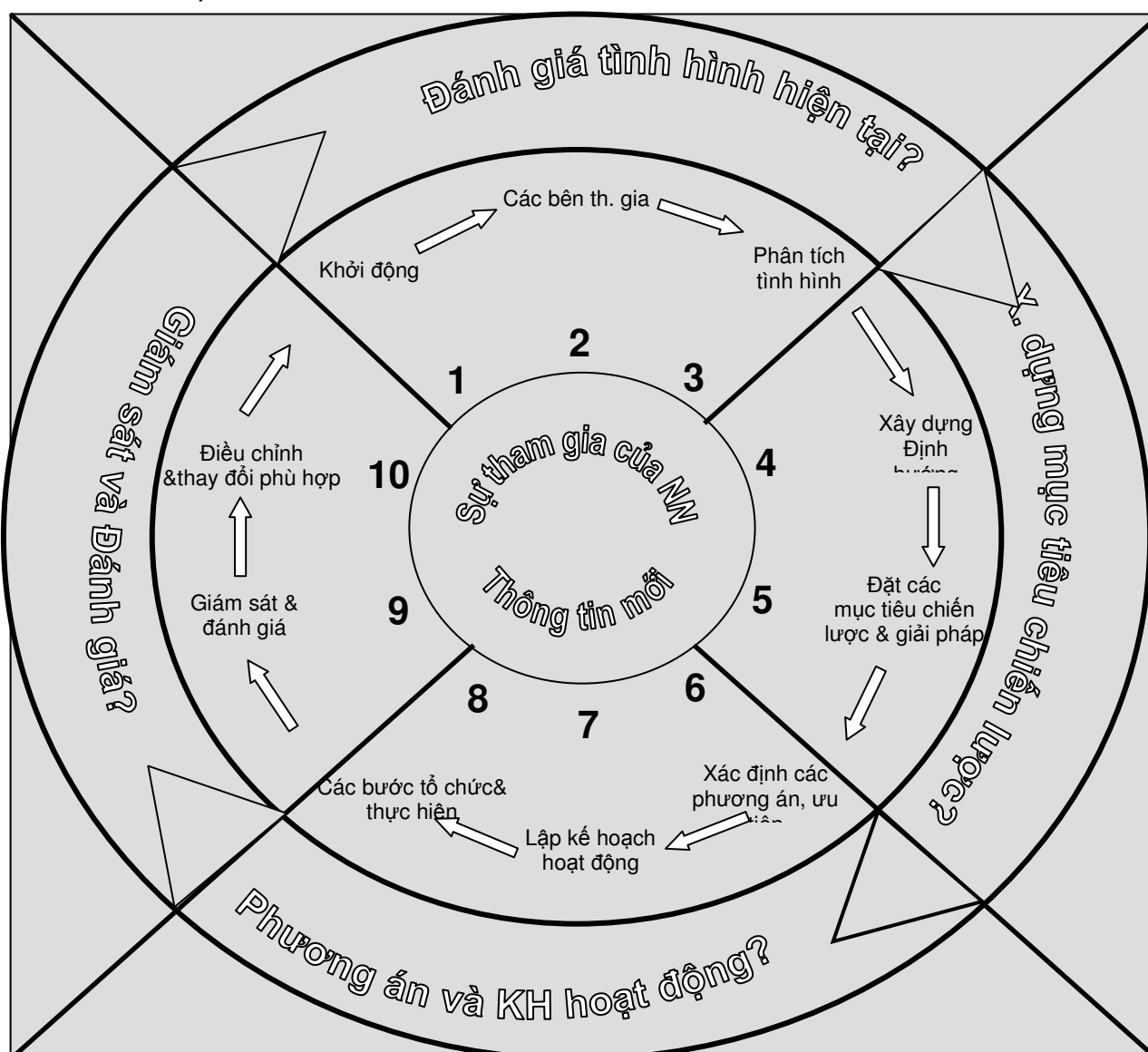
### 3. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN HỘI THẢO

Hội thảo diễn ra trong hai ngày mùng 9-10/8/2005, buổi sáng từ 7h30 tới 11h00, buổi chiều từ 13h30-17h. Các nội dung cụ thể của hội thảo bao gồm:

#### Ngày 1

Phân trình bày của chuyên gia tư vấn về các vấn đề cơ bản của lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP<sup>3</sup>. Phát triển kinh tế địa phương là gì, kế hoạch phát triển kinh tế địa phương, giải pháp cũng như Quy trình lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương.

Các bước lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP



Phát triển Kinh tế Địa phương (PTKTĐP) là một quá trình có sự tham gia mà ở đó người dân địa phương từ mọi ban ngành cùng nhau thúc đẩy hoạt động kinh doanh của địa phương nhằm hướng đến một nền kinh tế phục hồi nhanh và bền vững. Đây là một công cụ hỗ trợ tạo ra việc làm tốt và cải thiện chất lượng cuộc sống cho mọi người, bao gồm cả những người nghèo và những người thường bị thiệt thòi. Quy trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP cần trả lời cho 4 câu hỏi sau:

1. Chúng ta đang ở đâu? Phân tích thực trạng tình hình kinh tế địa phương.
2. Chúng ta muốn đi đến đâu? Đặt mục tiêu: bao gồm việc xây dựng tầm nhìn và đặt các mục tiêu cụ thể cho PTKTĐP.
3. Làm cách nào chúng ta tới đó? Lập kế hoạch hành động: Bao gồm việc lựa chọn các phương án và đưa ra một kế hoạch hành động cụ thể.
4. Chúng ta đã tới đó chưa? Giám sát và đánh giá: Bước này nhằm giám sát, đánh giá và điều chỉnh nếu cần cho phù hợp với điều kiện thực tế.

\* Sau khi các điều phối viên hội thảo hướng dẫn hội thảo thực hiện các trò chơi sáng tạo, chuyên gia tư vấn tiếp tục trình bày về tầm quan trọng và phương pháp phân tích các bên liên quan, cũng như những kết quả ban đầu về phân tích các bên liên quan thông qua cuộc họp với các bên được tổ chức trước đó. Sau đó, điều phối viên đã cho hội thảo chia nhóm thảo luận. Hội thảo được chia ra làm 03 nhóm đại diện cho 03 khối để thảo luận và phân tích về các bên liên quan, đó là: nhóm các cơ quan chính quyền; nhóm các doanh nghiệp và hiệp hội doanh nghiệp; nhóm các tổ chức xã hội. Một số thành viên khác đến từ các dự án đã được ghép vào thảo luận cùng với các nhóm khác. Kết quả thảo luận đã cho thấy những điều quan tâm chính và những khả năng đóng góp của các bên tham gia vào quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP ([Kết quả cụ thể xem thêm trong phụ lục số 2](#))

Sau khi các nhóm trình bày, một số đại biểu đã phát biểu ý kiến bổ sung và chia sẻ những suy nghĩ của mình. Nhìn chung các nhóm đều đã đưa ra được những vấn đề quan tâm chính và khả năng đóng góp của các bên liên quan trong quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP. Tuy nhiên, một số đại biểu cho rằng, các nhóm đã không đề cập đến lãi suất trong vấn đề vốn, lợi nhuận. Trong đề xuất hỗ trợ không đề cập đến hỗ trợ về cơ sở vật chất, nguồn lao động...

\* Điều phối viên cho hội thảo chơi trò chơi “Tôi là ai ?” nhằm tạo không khí thân thiện và cởi mở hơn giữa các đại biểu, giúp mọi người hứng thú hơn trong quá trình hội thảo. Một trong những thách thức của hội thảo là giúp cho những người tham gia hội thảo cởi mở hơn trong việc chia sẻ kinh nghiệm và tích cực tham gia vào quá trình thảo luận. Các trò chơi tiến hành trong hội thảo đã giúp đáp ứng được mục đích này.

\* Chuyên gia tư vấn trình bày về “Một số vấn đề về phát triển kinh tế xã hội huyện Tuyên Hoá”.

Nội dung bài trình bày đã đề cập đến các vấn đề cơ bản nhất trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, từ các thành quả phát triển kinh tế xã hội mà Huyện đạt được, các cơ hội và các nguồn lực mà Huyện có thể khai thác, cũng như

những thách thức mà Huyện đang gặp phải. Tựu chung lại, các nguồn lực cơ bản để phát triển kinh tế địa phương huyện Tuyên Hoá được chia ra làm 4 lĩnh vực, bao gồm:

- Nguồn lực xã hội và con người.
- Nguồn lực về tài nguyên thiên nhiên.
- Nguồn lực về KHCN.
- Nguồn lực về tài chính.

Các thông tin trong bản phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội của Tuyên Hoá đều là các thông tin thứ cấp, chỉ dựa trên các báo cáo của các cơ quan ban ngành của địa phương. Do đó, có thể chưa đảm bảo tính khách quan. Với các hội thảo tiếp theo, cần có các thông tin sơ cấp từ các cuộc điều tra, phỏng vấn trực tiếp và có các số liệu phản ánh cả một quá trình phát triển của địa phương. Điều đó sẽ giúp cho các đại biểu hiểu rõ hơn về bức tranh phát triển kinh tế xã hội của địa phương mình.

Hội thảo được chia ra làm 03 nhóm cùng thảo luận về các vấn đề phát triển kinh tế của Huyện thông qua một bảng đánh giá bao gồm 16 vấn đề. Các nhóm thảo luận và cho điểm vào bảng theo hướng dẫn của điều phối viên hội thảo ([xem phụ lục số 3](#)). Bảng dưới là kết quả thảo luận đã được tổng hợp lại từ kết quả của cả 3 nhóm.

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Vai trò kinh tế chính thức						x				
2	Vai trò kinh tế phi chính thức				x						
3	Sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số			x							
4	Tinh thần hợp tác của các cơ quan chính quyền địa phương với các tổ chức.							x			
5	lạc quan với tương lai								x		
6	Địa phương dựa vào nguồn lực của mình					x					
7	Địa phương có kế hoạch chiến lược mang tính độc lập					x					
8	Địa phương đã có kế hoạch phát triển kinh tế								x		
9	Sự tham gia của các đối tượng vào kế hoạch phát triển KTXH						x				
10	Lực lượng lao động đa dạng									x	
11	Phần lớn các DN thuộc quyền sở hữu của người Tuyên Hoá							x			
12	Địa phương nhận thức được lợi thế cạnh tranh				x						

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13	Cơ hội hợp tác với cộng đồng						X				
14	Tìm nguồn lực khắc phục điểm yếu						X				
15	Hỗ trợ giáo dục							X			
16	các tổ chức phối hợp cùng giải quyết						X				

Từ kết quả thảo luận, nhận xét được rút ra như sau:

- Nhìn vào kết quả cho điểm của các nhóm, chúng ta thấy được một bức tranh tổng quát về tình hình kinh tế xã hội của Tuyên hoá ở mức trung bình khá. Có 11/16 chỉ tiêu đạt điểm cao hơn mức trung bình, mà cao nhất là chỉ tiêu về lực lượng lao động (9 điểm), chỉ tiêu về địa phương đã có kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và lạc quan về tương lai phát triển của huyện cùng đạt 8 điểm. Có 5 chỉ tiêu đạt dưới mức trung bình, trong đó sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số vào quá trình PTKTĐP.
- Địa phương chưa nhận thấy lợi thế cạnh tranh của mình. Điều đó cho thấy, cần phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phân tích thực trạng phát triển kinh tế của Huyện cũng như của các địa phương lân cận để tìm ra lợi thế cạnh tranh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.
- Sự tham gia của nhóm thiệt thòi và các dân tộc thiểu số trên địa bàn còn thấp.
- Sự nhìn nhận vào tương lai của người dân địa phương rất lạc quan (8 điểm), điều đó được khẳng định vào mức độ tăng trưởng kinh tế khá cao hàng năm (7,4%)

\* Tiếp tục phân tích và đánh giá về tình hình kinh tế xã hội Tuyên hoá, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP, hội thảo tiếp tục được chia nhóm để thảo luận về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ (SWOT) của địa phương trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ([Xem thêm phụ lục 4](#)).

1. Điểm mạnh: Các đại biểu cho rằng, điểm mạnh cơ bản là địa phương có một đội ngũ lãnh đạo nhiệt tình, tâm huyết; lực lượng lao động phổ thông dồi dào, người dân cần cù, chịu khó.
2. Điểm yếu: Thiếu lao động có tay nghề, ý thức người dân còn thấp, khả năng tiếp cận khoa học chưa cao, còn có tư tưởng bảo thủ, ít chấp nhận cái mới. Chính sách thu hút nhân tài còn chưa cụ thể. Cơ chế và năng lực quản lý kinh tế của các cấp cơ sở còn yếu kém
3. Cơ hội: Là một huyện thuộc một trong những tỉnh nghèo nhất ở Việt Nam nên có cơ hội nhận được nhiều nguồn tài trợ từ chính phủ và các tổ chức quốc tế, như dự án xoá nghèo của ADB, SMNR-CV,... Có cơ hội tiếp cận với khoa học kỹ thuật mới do các dự án mang lại.

4. Nguy cơ: Ô nhiễm môi trường, tàn phá rừng, phân hoá giàu nghèo, tệ nạn xã hội gia tăng...

## Ngày 2

### \* Xác định tầm nhìn.

Chuyên gia tư vấn giới thiệu về phương pháp xác định tầm nhìn trong quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP.

- Tại sao phải xây dựng tầm nhìn ? Tầm nhìn trả lời cho câu hỏi: Chúng ta muốn đi tới đâu? Cho phép chúng ta nhìn thấy trước được tương lai mong muốn ; Giúp chúng ta tập trung vào các vấn đề quan trọng để đạt được tương lai mong ước
- Tầm nhìn phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản như : phải miêu tả được tương lai mong muốn là gì ; Tầm nhìn không chỉ ra các bước hành động để đạt được tương lai ; Phản ánh được thế mạnh và giá trị cốt lõi của địa phương
- Việc xây dựng tầm nhìn cần dựa trên : kết quả phân tích SWOT (Điểm mạnh, Điểm yếu, cơ hội và thách thức). Bạn muốn tương lai địa phương mình sẽ như thế nào? Các vấn đề kinh tế quan trọng nhất trong tương lai của địa phương là gì? (Việc làm, thu nhập, đói nghèo...)

Sau đó, hội thảo được chia ra làm 03 nhóm thảo luận về xây dựng tầm nhìn cho PTKTĐP ([xem phụ lục số 5](#)). Kết quả tổng hợp về tầm nhìn phát triển kinh tế Tuyên Hoá như sau :

**«Tới năm 2020, Tuyên Hoá sẽ trở thành một trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ của tỉnh; xây dựng nền kinh tế huyện nhà thành một trong những huyện giàu nhất trong tỉnh ».**

### \* Xác định mục tiêu:

Hội thảo được chia làm 03 nhóm thảo luận về các mục tiêu PTKTĐP. Mỗi nhóm đã đưa ra các mục tiêu rất cụ thể ([xem phụ lục số 6](#)) . Kết quả thảo luận được tổng hợp lại theo phương pháp Pareto (bỏ phiếu để tìm ra các mục tiêu có nhiều phiếu nhất) thành 03 nhóm để tiếp tục thảo luận như sau:

- **Nhóm mục tiêu thứ nhất: Tăng trưởng kinh tế 10%, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng NN 33%, CN: 27%, Dịch vụ: 40%.**
- **Nhóm mục tiêu thứ hai: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến lâm sản và sản phẩm nông nghiệp.**
- **Nhóm mục tiêu thứ ba: Trồng, quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên rừng theo hướng bền vững**

### \* Kế hoạch hành động.

Căn cứ vào 03 nhóm mục tiêu đã thống nhất lựa chọn, hội thảo tiếp tục được chia làm 03 nhóm để thảo luận tìm ra các giải pháp để đạt được mục tiêu đó, để từ đó, xây dựng một kế hoạch hành động cụ thể cho tương lai. Kế hoạch hành động được các nhóm thảo luận, bao gồm nhiều dự án cụ thể và có tính thực tiễn cao, với khung thời gian, các nguồn lực cũng như các cơ

quan chủ trì. Tuy nhiên, các khung thời gian đưa ra chưa được cụ thể và vai trò của từng cơ quan chủ trì cũng chưa được chỉ rõ ([xem phụ lục số 7](#)).

#### **4. NHỮNG KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC RÚT RA SAU HỘI THẢO**

Hội thảo được xem là một đóng góp mới của Dự án đối với việc lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP của Huyện.

1. Gần 30 đại biểu tham gia đến từ các bên liên quan khác nhau đã cùng nhau tham gia hội thảo lập kế hoạch chiến lược trong 2 ngày liên tục; các đại biểu đã tích cực tham gia, đóng góp ý kiến trong suốt quá trình hội thảo, đặc biệt là trong các phần thảo luận nhóm.
2. Thời gian chuẩn cho một hội thảo lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP là 04 ngày. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế ở địa phương, chúng ta chỉ tiến hành hội thảo trong thời gian 02 ngày. Do đó, bên cạnh việc phải cắt bớt một số công cụ nhất định, các đại biểu và những người điều hành hội thảo đã phải làm việc với cường độ cao hơn để đảm bảo quy trình lập kế hoạch được thực hiện đầy đủ với sự tham gia của các bên liên quan.
3. Phương pháp lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP mới đã được trình bày và thảo luận kỹ trong quá trình hội thảo. Khác với cách lập kế hoạch tập trung xưa nay của các ban ngành, phương pháp lập kế hoạch mới chú trọng vào sự tham gia của các bên liên quan (như những vấn đề quan tâm và khả năng đóng góp của họ là gì?) ngay từ bước đầu tiên của quá trình lập kế hoạch. Vì thế, tác động của hội thảo nhằm nỗ lực thay đổi quan điểm và thái độ của các bên tham gia trong quá trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP.
4. Hội thảo đã tiến hành phân tích các bên tham gia; phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội của Huyện thông qua hai công cụ chính là SWOT và cho điểm thông qua 16 tiêu chí đánh giá nền kinh tế địa phương. Từ đó, hội thảo xây dựng một tầm nhìn và xác định các mục tiêu PTKTĐP. Cuối cùng là một kế hoạch hành động với nhiều ý tưởng cụ thể được đưa ra để thực hiện mục tiêu và tầm nhìn đó.
5. Kế hoạch hành động tương đối cụ thể, nhưng cũng đầy tham vọng. Do đó, để kế hoạch được thực thi, cần tiếp tục có sự cam kết của các bên liên quan, đặc biệt từ phía các cơ quan chính quyền Huyện và các tổ chức nước ngoài trong giai đoạn đầu vì đây là những tổ chức có thể mang lại nguồn vốn và công nghệ mới cho các dự án.
6. Phản ánh của các đại biểu tham dự đã cho thấy sự đánh giá cao đối với phương pháp và quy trình lập kế hoạch chiến lược PTKTĐP. Hội thảo tương tự cần được phổ biến và nhân rộng ra các địa phương khác trong toàn tỉnh. Những kết quả đạt được của hội thảo cần tiếp tục được xem xét và điều chỉnh trước khi gửi các cơ quan có liên quan.

## 5. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Tóm tắt kết quả phân tích tình hình hình phát triển kinh tế xã hội Huyện Tuyên Hoá

#### 1. Giới thiệu chung

Dự án Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên Miền Trung (SMNR-CV) áp dụng phương pháp Phát triển kinh tế địa phương tại tỉnh Quảng Bình, với phương pháp tiếp cận là "Lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương", một số hoạt động khởi đầu đã được thực hiện ở cấp tỉnh thông qua các cuộc trao đổi với các đối tượng liên quan và Hội thảo cấp tỉnh về lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương đã được tiến hành vào tháng 3 năm 2005. Với mục tiêu tiếp tục hỗ trợ cấp huyện áp dụng phương pháp Phát triển kinh tế địa phương để xây dựng chiến lược phát triển (chú trọng vào phát triển kinh tế) đồng thời qua đó bổ sung cho các chiến lược thực thi các kết quả Dự án trên địa bàn huyện, Dự án quyết định tiếp tục thực hiện lập kế hoạch PTKTĐP ở huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình kể từ tháng 6 năm 2005. Việc đánh giá sơ bộ về tình hình hiện tại của địa phương là một trong những công đoạn quan trọng của quá trình Lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương, nó cung cấp thông tin số liệu đầu vào cơ bản cho các đối tượng liên quan tiến hành các bước tiếp theo.

Việc đánh giá sơ bộ về tình hình hiện tại được tiến hành với phương pháp chủ yếu sử dụng các thông tin, số liệu thứ cấp từ các báo cáo và các nguồn khác thông tin có sẵn (Báo cáo tổng thể về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội, giai đoạn 2001 - 2005 của UBND huyện và các cơ quan chuyên môn, niên giám thống kê và các báo cáo liên quan khác), thông tin số liệu sau đó được tập hợp, phân tích và nhận định, đánh giá về một số khía cạnh quan tâm. Do yêu cầu của phương pháp lập kế hoạch chiến lược phát triển kinh tế địa phương đòi hỏi sự tham gia của nhiều đối tượng nên kết quả của việc đánh giá đó sẽ được đưa ra thảo luận, phân tích sâu hơn thông qua các cuộc họp và hội thảo tiếp theo. Các thông tin, số liệu sơ cấp thông qua điều tra, khảo sát hay phỏng vấn trực tiếp không được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá sơ bộ về tình hình phát triển kinh tế xã hội địa phương. Các thông tin, số liệu được thu thập, phân tích và sắp xếp theo 4 nguồn vốn sau đây:

- Nguồn nhân lực và nguồn vốn xã hội
- Nguồn tài chính
- Nguồn vốn vật thể và công nghệ
- Nguồn vốn và tự nhiên

#### 2. Tóm tắt thực hiện

Tuyên Hoá là huyện miền núi rẻo cao nằm về phía Tây Bắc của tỉnh Quảng Bình, được thành lập trên cơ sở chia tách từ huyện miền núi rẻo cao Tuyên Minh từ năm 1989. Tổng diện tích tự nhiên là 1.149,41 km<sup>2</sup>, dân số 79.581 người<sup>4</sup> thuộc 17.770 hộ. Huyện Tuyên Hóa có 20 đơn vị hành chính gồm 19 xã và 1 thị trấn huyện lỵ. Bên

---

<sup>4</sup> Niên giám thống kê năm 2003

cạnh người dân tộc Kinh chiếm đa số còn có các dân tộc thiểu số là Mã Liềng, Sách, Mày, Arem và Mường sinh sống với tổng dân số 584 người và chủ yếu tập trung ở 5 bản thuộc 2 xã Thanh Hóa và Lâm Hóa. Sau 15 năm tái thành lập cho đến nay, tình hình chính trị, an ninh trật tự xã hội được giữ vững và ổn định dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự tham gia của mạng lưới các tổ chức chính trị xã hội rộng khắp (Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh). Bộ máy chính quyền do UBND các cấp lãnh đạo với sự tham mưu của các cơ quan chuyên môn, hoạt động ổn định và không ngừng được củng cố, đổi mới để ngày càng hoàn thiện hơn ở cả cấp huyện và cấp xã.

Thực hiện đường lối của Đảng và Nhà nước là phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, huyện Tuyên Hóa cũng hòa chung vào công cuộc "đổi mới" và đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống người dân được cải thiện nhiều. Nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ khá cao, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001 – 2005 đạt 7,4%<sup>5</sup> (đạt 98% chỉ tiêu kế hoạch đặt ra), kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm - ngư, tăng dần tỷ trọng Công nghiệp - Xây dựng và Thương mại - Dịch vụ. Bình quân thu nhập đầu người không ngừng tăng lên, năm 2004 đạt 2.136.000đ/người, dự kiến năm 2005 là 2.380.000đ/ người (năm 2000 là 1.690.000đ/ người)<sup>6</sup>. Công tác xóa đói giảm nghèo được chú trọng và đạt được kết quả rõ rệt, tỷ lệ đói nghèo giảm nhiều (từ 42,3% vào năm 2000 xuống còn 18,2% năm 2004, và dự kiến còn 13% năm 2005)<sup>7</sup>. Đời sống nhân dân được cải thiện nhiều mặt, tất cả các xã đều đã có điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất. Tất cả các xã đều hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học xóa mù chữ, 18/20 xã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Tất cả các xã đã có trạm y tế và đáp ứng về cơ bản việc khám chữa bệnh cho người dân địa phương, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm đáng kể, đến nay tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng bình quân toàn huyện còn 20 - 25%. Công tác dân số kế hoạch hóa được coi trọng và tuyên truyền rộng khắp, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên tiếp tục giảm đáng kể từ 1,55% vào năm 2000 xuống còn 1,35% năm 2004.

Bên cạnh những mặt mạnh và kết quả đạt được, nếu xét về tổng quan khi so sánh huyện Tuyên Hóa với các địa phương khác trong tỉnh và mặt bằng chung thì còn một số mặt yếu, hạn chế và tồn tại nhất định. Đó là, nền kinh tế đang ở mức thấp, giá trị sản xuất của các ngành kinh tế thấp. Thu nhập bình quân đầu người chỉ bằng khoảng 78% thu nhập bình quân toàn tỉnh (bình quân của tỉnh là 3.650.000đ/ người năm 2004 trong khi bình quân của Tuyên Hóa chỉ đạt 2.136.000đ/người). Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc vẫn mang tính tự cấp tự túc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Trình độ và kỹ năng của người sản xuất cũng như việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật còn rất hạn chế nên hàng hóa sản xuất ra đơn điệu về mẫu mã và chủng loại, tính cạnh tranh thấp. Năng lực điều hành của chính quyền cơ sở và một số cơ quan chuyên môn còn yếu, thiếu năng động, sáng tạo trong quá trình tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và điều hành sản xuất. Công tác xóa đói giảm nghèo

---

<sup>5</sup> Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội từ năm 2001 - 2005

<sup>6</sup> Như trên

<sup>7</sup> Như trên

được quan tâm thực hiện và có kết quả tốt song tình trạng tái nghèo vẫn xảy ra, khoảng cách giữa các vùng trung tâm với các vùng sâu, vùng xa còn lớn.

Sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của huyện Tuyên Hóa trong thời gian tiếp theo đặt trong bối cảnh một số vận hội và tiềm năng chủ yếu. Đó là, Đảng và Chính quyền các cấp tiếp tục đưa ra đường lối và chính sách khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế tăng cường huy động mọi nguồn lực vào đầu tư, phát triển sản xuất hàng hóa. Trình độ và năng lực của người dân địa phương đã được nâng cao, tính tự chủ và khả năng phát huy nội lực ngày càng cao. Mạng lưới giao thông ngày càng hoàn thiện đảm bảo trao đổi hàng hóa, giao lưu với trong, ngoài tỉnh và các nước Lào, Thái Lan rất thuận tiện (Với hệ thống Quốc lộ 12A, đường xuyên á, đường Hồ Chí Minh và tuyến đường sắt Bắc - Nam). Những hạ tầng cơ sở khác như điện, bưu chính viễn thông đã được thiết lập và cung cấp dịch vụ rộng rãi cho người dân. Trung ương và tỉnh tiếp tục quan tâm tiếp nhận và thực hiện các Chương trình, Dự án hợp tác phát triển, hỗ trợ kỹ thuật, các dự án phi chính phủ trên địa bàn huyện sẽ góp phần nâng cao năng lực của người dân, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, chuyển giao và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần xóa đói giảm nghèo cải thiện hơn nữa đời sống của người dân, góp phần làm thay đổi bộ mặt của huyện.

## Phụ lục 2. Những điều quan tâm và đóng góp chính của các bên liên quan

### Nhóm 1: Các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương:

<b>Đối tượng tham gia</b>	<b>Những điều quan tâm</b>	<b>Những đóng góp chính</b>
Phòng KH – TC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương có hiệu quả tốt nhất.</li> <li>- Quản lý tốt về tài chính và ngân sách</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng kế hoạch.</li> <li>- Quản lý ngân sách.</li> </ul>
Phòng Hạ tầng kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống giao thông nông thôn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng kế hoạch đầu tư, huy động nguồn lực địa phương, kêu gọi các DA đầu tư bên ngoài.</li> </ul>
Phòng TN – MT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý sử dụng đất.</li> <li>- Quản lý tài nguyên, khoáng sản.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch bảo vệ, sử dụng và khai thác các nguồn tài nguyên.</li> </ul>
Phòng Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.</li> <li>- Phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tham mưu thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế.</li> </ul>
SMNR - CV	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng góp có hiệu quả vào công tác xây dựng nguồn lực cán bộ các cấp và cải thiện đời sống người dân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ kỹ thuật (lập kế hoạch phát triển, NN, LN, Phi NN)</li> </ul>

### Nhóm 2: Các Doanh nghiệp và các hộ sản xuất:

<b>Đối tượng tham gia</b>	<b>Những điều quan tâm</b>	<b>Những đóng góp chính</b>
Các Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ về vốn để phát triển sản xuất KD.</li> <li>- Tạo điều kiện về đất đai cho các DN</li> <li>- Bồi dưỡng kiến thức về KHKT</li> <li>- Mong muốn dự án hỗ trợ về tài chính cho các DN bước đầu đi vào sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết việc làm cho người lao động tại địa bàn.</li> <li>- Tăng thu nhập cho các hộ sản xuất.</li> <li>- Bảo đảm tính khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.</li> </ul>
Các Hộ sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư một số mô hình dự án về nông nghiệp.</li> <li>- Có quy hoạch tổng thể về sản xuất các loại cây trồng theo quy mô vừa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân bằng hệ sinh thái</li> <li>- Đóng góp cơ bản về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.</li> </ul>

<b><i>Đối tượng tham gia</i></b>	<b><i>Những điều quan tâm</i></b>	<b><i>Những đóng góp chính</i></b>
	- Tạo ra một số cơ chế chính sách mang tính cởi mở để phát triển sản xuất như lãi suất, tiêu thụ sản phẩm.	

***Nhóm 3: các tổ chức chính trị xã hội***

<b><i>Đối tượng tham gia</i></b>	<b><i>Quan tâm chính</i></b>	<b><i>Đóng góp chính</i></b>
Dự án phát triển nông nghiệp miền Tây Nghệ An	Phát triển nông nghiệp vùng dân tộc	Vốn, kỹ thuật
Lâm trường Tuyên Hoá	Bảo vệ, quản lý, phát triển rừng	Nâng cao nhận thức về quản lý bảo vệ rừng
Hội Phụ nữ	Nâng cao dân trí, cải thiện hạ tầng. Cải thiện đời sống vật chất cho mọi tầng lớp phụ nữ	Tham gia lập kế hoạch, đóng góp lực lượng lao động
SMNR - CV	Cải thiện đời sống người dân địa phương theo hướng bền vững	Hỗ trợ về mặt kỹ thuật, hỗ trợ lập kế hoạch, tư vấn
Sở KH - ĐT	Cân đối các khả năng về nguồn lực, ưu tiên cho đầu tư phát triển, thúc đẩy phát triển bền vững	Xây dựng cơ chế, giải pháp, chính sách thực hiện.

### Phụ lục 3. Đánh giá tổng quan tình hình kinh tế xã hội huyện Tuyên Hoá

Nhóm 1:

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Vai trò kinh tế chính thức						x				
2	Vai trò kinh tế phi chính thức				x						
3	Sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số			x							
4	Tình th àn hợp tác của các cơ quan chính quyền địa phương với các tổ chức.							x			
5	l ạc quan với tương lai								x		
6	Đ ịa phương dựa vào nguồn lực của mình					x					
7	Đ ịa phương có kế hoạch chiến lược mang tính độc lập					x					
8	Đ ịa phương đã có kế hoạch phát triển kinh tế								x		
9	Sự tham gia của các đối tượng vào kế hoạch phát triển KTXH						x				
10	Lực lượng lao động đa dạng									x	
11	Phần lớn các DN thuộc quy ền sở hữu của người Tuyên Hoá							x			
12	Đ ịa phương nhận thức được lợi thế cạnh tranh				x						
13	Cơ hội hợp tác với cộng đồng						x				
14	Tìm nguồn lực kh ắc phục điểm yếu						x				
15	H ỗ trợ giáo dục							x			
16	các tổ chức phối hợp cùng giải quyết K/C						x				

Nhóm 2:

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Vai trò kinh tế chính thức						x				
2	Vai trò kinh tế phi chính thức		x								
3	S ự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số	x									
4	Tình th àn hợp tác của các cơ quan chính quyền địa phương với các tổ chức.									x	
5	l ạc quan với tương lai									x	
6	Đ ịa phương dựa vào nguồn lực của mình					x					
7	Đ ịa phương có kế hoạch chiến lược mang tính độc lập				x						
8	Đ ịa phương đã có kế hoạch phát triển kinh tế								x		

9	Sự tham gia của các đối tượng vào kế hoạch phát triển KTXH									x		
10	Lực lượng lao động đa dạng										x	
11	Phần lớn các DN thuộc quyền sở hữu của người Tuyên Hoá											x
12	Địa phương nhận thức được lợi thế cạnh tranh							x				
13	Cơ hội hợp tác với cộng đồng										x	
14	Tìm nguồn lực khắc phục điểm yếu									x		
15	Hỗ trợ giáo dục										x	
16	Các tổ chức phối hợp cùng giải quyết K/C										x	

**Nhóm 3:**

TT	Nội dung đánh giá	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Vai trò kinh tế chính thức						x					
2	Vai trò kinh tế phi chính thức					X						
3	Sự tham gia của các nhóm dân tộc thiểu số			x								
4	Tình thân hợp tác của các cơ quan chính quyền địa phương với các tổ chức.							x				
5	Liên quan với tương lai								x			
6	Địa phương dựa vào nguồn lực của mình			x								
7	Địa phương có kế hoạch chiến lược mang tính độc lập						x					
8	Địa phương đã có kế hoạch phát triển kinh tế								x			
9	Sự tham gia của các đối tượng vào kế hoạch phát triển KTXH					X						
10	Lực lượng lao động đa dạng										X	
11	Phần lớn các DN thuộc quyền sở hữu của người Tuyên Hoá		X									
12	Địa phương nhận thức được lợi thế cạnh tranh			x								
13	Cơ hội hợp tác với cộng đồng					x						
14	Tìm nguồn lực khắc phục điểm yếu								X			
15	Hỗ trợ giáo dục								X			
16	Các tổ chức phối hợp cùng giải quyết K/C						x					

#### Phụ lục 4. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ

<b>Điểm mạnh</b>	<b>Điểm yếu</b>
<p>Đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhiệt tình, tâm huyết</p> <p>Lao động phổ thông dồi dào</p> <p>Người dân cần cù chịu khó</p> <p>Hệ thống giao thông có nhiều đầu mối (Đường sắt, thủy, bộ) thuận lợi cho phát triển thương mại dịch vụ</p> <p>Diện tích rừng rất lớn có điều kiện để phát triển lâm nghiệp (Trồng rừng, tận dụng lâm sản phụ)</p> <p>Đất đai rộng có nhiều sông suối, có điều kiện để phát triển kinh tế hộ, trang trại chăn nuôi (Thủy sản, gia súc và gia cầm)</p>	<p>Lao động chưa qua đào tạo nhiều, trình độ lao động thấp</p> <p>Ý thức của người dân còn thấp, khả năng tiếp cận khoa học chưa cao</p> <p>Người dân còn có tư tưởng bảo thủ, ít chấp nhận cái mới (Khả năng tiếp cận còn hạn chế ...)</p> <p>Khả năng quản lý kinh tế ở các cấp cơ sở còn thấp</p> <p>Ngành nghề phụ còn chưa phát triển (Ví dụ: nuôi ong, chế biến mây tre, dâu tằm ...)</p> <p>Thị trường hàng hóa còn hạn chế, ví dụ: khả năng tiếp cận thị trường</p> <p>Chính sách thu hút nhân lực (cán bộ kinh tế có trình độ học xong không trở về)</p> <p>áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế</p> <p>Có nguyên liệu thô nhưng chưa có cơ sở chế biến, vd ... mây tre.</p> <p>Dịch vụ về vốn và thủ tục hành chính chưa thông thoáng</p>
<b>Cơ hội</b>	<b>Nguy cơ</b>
<p>Tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ các dự án</p> <p>Có các dự án đầu tư cụ thể</p> <p>Hỗ trợ dân tiếp cận với kỹ thuật mới</p> <p>Hỗ trợ vốn nâng cấp nhà máy Tây Trúc</p> <p>Tranh thủ và sử dụng các Chương trình đầu tư</p> <p>Tận dụng vốn rừng để phát triển ngành lâm nghiệp ngoài gỗ</p>	<p>Ô nhiễm môi trường</p> <p>Thoái hoá, xói mòn đất</p> <p>Dư thừa lao động, thiếu việc làm</p> <p>Tệ nạn xã hội gia tăng</p> <p>Khai thác tài nguyên cơ bản như phá rừng, cát sạn ...</p> <p>Diễn biến dịch bệnh từ gia súc, gia cầm sang người.</p> <p>Nguy cơ phân hoá giàu nghèo</p> <p>Thời tiết khắc nghiệt, thiên tai</p> <p>Nguy cơ về tụt hậu nền kinh tế</p>

## **Phụ lục 5. Xác định tầm nhìn**

### *Nhóm 1:*

Đến 2020 Tuyên Hoá tận dụng tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển các ngành CN – TTCN và dịch vụ đưa nền kinh tế huyện nhà giàu nhất so với toàn tỉnh Quảng Bình.

### *Nhóm 2:*

Đến 2020 Tuyên Hoá sẽ trở thành trung tâm phát triển bền vững kinh tế nông nghiệp, TTCN, TM dịch vụ ngang tầm với các địa phương trong khu vực.

Là điểm hẹn hấp dẫn về du lịch sinh thái của tỉnh.

### *Nhóm 3:*

Đến năm 2020 Tuyên Hoá sẽ trở thành:

- + Trung tâm phát triển bền vững về kinh tế xã hội của khu vực tây bắc Quảng Bình. Là điểm phát triển mạnh về công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và kinh tế rừng.
- + Là Trung tâm thương mại của bắc miền Trung (Lào, Thái Lan)
- + Về Nông nghiệp: Chăn nuôi trở thành ngành chính.

## **Phụ lục 6. Kết quả thảo luận nhóm về xác định mục tiêu**

**Nhóm 1:** Tăng trưởng kinh tế 10%, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng NN 33%, CN: 27%, Dịch vụ: 40%.

- Áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất NN nhằm tăng giá trị sản xuất/đơn vị diện tích.
- Phát triển các cơ sở sx VLXD.
- Khôi phục ngành nghề truyền thống.
- XD hoàn thành thủy điện Hố Hô, Rào Trỏ, Nhà máy xi măng Sông Gianh.
- Phát triển mạng lưới hạ tầng (giao thông, thủy lợi...)
- Cũng cố, nâng cấp hệ thống chợ, xây dựng 3 trung tâm thương mại lớn Đồng Lê, Tiến Hoá
- Tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Tạo điều kiện cho các DN các hộ gia đình tiếp cận hệ thống tín dụng.
- Tạo điều kiện cho các DN có mặt bằng sản xuất.

### **Nhóm 2:**

- Thương mại – dịch vụ chiếm 40% tổng giá trị kinh tế bằng cách nâng cấp hệ thống các chợ trên địa bàn huyện, phát triển các loại hình dịch vụ tại cụm công nghiệp Tiến Hoá.. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để các loại hình dịch vụ phát triển.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 27%. khuyến khích phát triển các HTX, doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng phát triển. Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, công nghiệp chế biến nông lâm sản.
- Nông nghiệp 33%. Trong đó chú trọng áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Giá trị chăn nuôi chiếm 50% tỷ trọng nông nghiệp.
- Lâm nghiệp: Trồng rừng hàng năm đạt 300 ha/nam.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 5.000.000 đồng.

### **Nhóm 3:**

- chuyển dịch cơ cấu kinh tế: NN: 30%; CN 30%; DV: 40%.
- áp dụng KHKT ổn định lương thực từ 15 – 16.000 tấn.
- Trồng rừng và tăng cường quản lý, bảo vệ phát triển rừng, nâng độ che phủ rừng.
- Khai thác tốt nguồn thu , tăng ngân sách địa phương từ 15 – 17% so với hiện tại.
- Phát triển kinh tế toàn diện, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 30% so với tổng số hộ.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 6.000.000 đồng.

## **Phụ lục 7. Kế hoạch hành động**

**Nhóm mục tiêu 1: Tăng trưởng kinh tế 10%, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tỷ trọng NN 33%, CN: 27%, Dịch vụ: 40%.**

<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Nguồn lực</b>	<b>Trách nhiệm</b>
Áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất NN nhằm tăng giá trị sản xuất/đơn vị diện tích	2006 - 2010	Ngân sách NN, đóng góp của nhân dân, hỗ trợ của các DA	Chính quyền Tỉnh, Huyện, xã Hội khuyến nông và các hộ nông nghiệp
Phát triển các cơ sở sx VLXD.	2006 - 2010	Doanh nghiệp, Các HTX, hỗ trợ của NN	Các chủ DN, chính quyền các cấp
Khôi phục ngành nghề truyền thống	2006 - 2007	Doanh nghiệp, Các HTX,, hỗ trợ của NN	Các chủ DN, chính quyền các cấp
XD hoàn thành thủy điện Hồ Hồ, Rào Trỏ, Nhà máy xi măng Sông Gianh	2006 - 2010	đầu tư của Nhà nước	Bộ Công nghiệp, Tổng CTXD Miền Trung
Phát triển mạng lưới hạ tầng (giao thông, thủy lợi...)	2006 - 2010	Đầu tư của Nhà nước, Nhân dân đóng góp, DA hỗ trợ	Nhà nước, Doanh nghiệp, Dự án

Củng cố, nâng cấp hệ thống chợ, xây dựng 3 trung tâm thương mại lớn Đồng Lê, Tiến Hoá và Bắc Sơn	2006 2008	-	Nhà nước, nhân dân	Chính quyền các cấp, các hộ kinh doanh
Tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm	2006 2010	-	Nhà nước, nhân dân	Chính quyền các cấp, các hộ gia đình
Tạo điều kiện cho các DN, các hộ gia đình tiếp cận hệ thống tín dụng	2006 2010	-	Nhà nước, nhân dân	Chính quyền các cấp
Tạo điều kiện cho các DN có mặt bằng sản xuất	2006 2010	-	Nhà nước, nhân dân	Phòng địa chính, UBND các cấp

**Nhóm mục tiêu 2: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến lâm sản và sản phẩm nông nghiệp.**

<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian</b>		<b>Nguồn lực</b>	<b>Trách nhiệm</b>
Mở rộng và phát triển sản xuất doanh nghiệp dâu tằm tơ	2006 2008	-	Doanh nghiệp; Chính quyền và các tổ chức hỗ trợ	chủ DN
Tăng cường, đẩy mạnh các CLB nuôi ong để sớm hội nhập hiệp hội nuôi ong	2006 2006	-	Doanh nghiệp; Chính quyền và các tổ chức hỗ trợ	Các doanh nghiệp, Chủ tịch các hội.
Mở 3 xí nghiệp sản xuất dăm gỗ làm ván để cung cấp cho các khu công nghiệp	2006 2010	-	Chính quyền Huyện, đóng góp của tư nhân	UBND các cấp, Phòng hạ tầng kinh tế, sở CN
Chế biến các sản phẩm nông nghiệp để cung cấp thức ăn cho chăn nuôi (mở rộng quy mô)	2006 2010	-	Tư nhân đầu tư, nhà nước hỗ trợ	Cã chủ hộ
Tổ chức vườn ươm cây giống để cung cấp cho các hộ dân trồng rừng kinh tế	2005 2006	-	Tư nhân đầu tư, nhà nước hỗ trợ	Các chủ hộ, Hội khuyến nông
Mở rộng máy móc chế biến mây tre, đáp ứng tiêu thụ hàng hoá	2005 2006	-	Tư nhân đầu tư	chủ doanh nghiệp
Khôi phục và hình thành các làng nghề truyền thống sản xuất hàng hoá phục vụ khách du lịch cửa khẩu ChaLo	2005 2006	-	Tư nhân đầu tư, chính quyền và các dự án hỗ trợ	UBND các xã, các HTX, các doanh nghiệp
Tổ chức đào tạo kiến thức quản lý, tiếp thị cho các chủ DN mới	2005		Chính quyền và các dự án	Dự án, Hiệp hội

**Nhóm mục tiêu 3: Trồng, quản lý, bảo vệ sử dụng tài nguyên rừng theo hướng bền vững**

<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Nguồn lực</b>	<b>Trách nhiệm</b>
Trồng 3000 ha rừng gồm các loại keo lai, trầm hoa vàng và một số loại cây bản địa	2006 - 2010	Nhà nước, nhân dân, các dự án trên địa bàn	Phòng kinh tế, lâm trường, chính quyền các cấp, hộ gia đình, các dự án trên địa bàn
Giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình, nhóm hộ và các tổ chức	2006 - 2007	Nhà nước, nhân dân, các dự án trên địa bàn	Phòng TNMT, UBND các cấp, kiểm lâm, các Dự án
Khoanh nuôi, bảo vệ diện tích rừng hiện có (rừng trồng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên)	2006 - 2010	Nhà nước và các dự án, kiểm lâm	Lâm trường, UBND các cấp, Kiểm lâm
Chuyển 1 số diện tích rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	2006 - 2007	Các dự án và nhân dân địa phương	Phòng TNMT, UBND các cấp, kiểm lâm
Triển khai kế hoạch quản lý rừng dựa vào cộng đồng	2006 - 2010	Các dự án và nhân dân địa phương	Nhân dân địa phương, kiểm lâm
kế hoạch khai thác bền vững LSNG	2006 - 2010	Lồng ghép các dự án	Phòng kinh tế, hạt kiểm lâm, các địa phương
Triển khai thực hiện NĐ 178 CP và luật QLBVR	2006 - 2010	các hộ được giao đất, giao rừng	Chính quyền các cấp, các hộ gia đình, kiểm lâm địa phương
Tiếp tục thực hiện có hiệu quả QĐ145/CP và chỉ thị 12 CP	2006 - 2010	Toàn dân	Chính quyền các cấp, hạt kiểm lâm, các hộ dân

## Phụ lục 8. Chương trình hội thảo

<b>Ngày 1 – Thứ 3, 09/08/2005</b>				
<b>Bắt đầu</b>	<b>Kết thúc</b>	<b>Khoảng thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Người chịu trách nhiệm</b>
7:30	8:00	0:30	Đăng ký đại biểu	
8:00	8:15	0:15	Khai mạc	UBND huyện; Ông Hans J. Wiemer
8:15	8:35	0:20	Giới thiệu các đại biểu tham gia hội thảo	Ông Tường
8:35	8:45	0:10	Giới thiệu mục tiêu và chương trình hội thảo	Ông Hồng
8:45	9:15	0:30	<b>Giới thiệu tổng quan về PTKTĐP</b>	Ông Hồng
<b>9:15</b>	<b>9:30</b>	<b>0:15</b>	<b>Nghỉ giải lao</b>	
9:35	10:00	0:25	Bài tập sáng tạo	Ông Hồng/Ông Tường/Ông Quốc
10:00	10:20	0:20	<b>Phân tích các bên liên quan</b>	Ông Hồng
			1. Tầm quan trọng của các bên liên quan và phương pháp có sự tham gia	Ông Hồng/Ông Tường
			2. Kết quả đánh giá các bên liên quan	Ông Hồng
10:20	10:25	0:05	Sử dụng “Metaplan cards”	Ông Tường
10:25	10:35	0:10	Hướng dẫn làm việc theo nhóm về các mối quan tâm chính và các đóng góp có tiềm năng chính	Ông Tường
10:35	11:10	0:35	Thảo luận theo nhóm về các mối quan tâm chính và các đóng góp có tiềm năng chính của các bên liên quan	Ông Hồng/Ông Tường/Ông Quốc/ Ông Ngọc Anh
11:10	11:30	0:20	Các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo nhóm	Đại diện của các nhóm
<b>11:30</b>	<b>1:30</b>	<b>2:00</b>	<b>Nghỉ trưa</b>	
1:30	1:35	0:05	Bài tập khởi động	Ông Hồng/Ông Tường
1:35	1:40	0:05	Tóm tắt lại nội dung hội thảo buổi sáng	Ông Hồng
1:40	2:00	0:20	<b>Đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội ở huyện Tuyên Hoá</b>	Ông Hồng
2:00	2:05	0:05	Hướng dẫn làm việc theo nhóm	Ông Tường
2:05	2:50	0:45	Thảo luận theo nhóm về tổng quan đánh giá tình hình địa phương để áp dụng công cụ PTKTĐP	Ông Hồng/Ông Tường/Ông Quốc/Ông Ngọc Anh
2:50	3:20	0:30	Các nhóm trình bày kết quả thảo luận theo nhóm	Các nhóm, thảo luận chung

<b>3:20</b>	<b>3:35</b>	<b>0:15</b>	<b>Nghỉ giải lao</b>	
3:35	3:45	0:10	Giới thiệu công cụ SWOT	Ông Tường/Ông Hồng
3:45	4:30	0:45	Làm việc theo nhóm	
			~ điểm mạnh	Ông Hồng
			~ điểm yếu	Ông Tường
			~ cơ hội	Ông Quốc
			~ nguy cơ	Ông Ngọc Anh
4:30	5:00	0:30	Các nhóm trình bày kết quả thảo luận	Đại diện của các nhóm
<b>Ngày 2 - Thứ 4, 10/08/2005</b>				
<b>Bắt đầu</b>	<b>Kết thúc</b>	<b>Khoảng thời gian</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Người chịu trách nhiệm</b>
7:30	7:40	0:10	Tóm tắt nội dung hội thảo ngày 1	Đại diện của các thành viên tham gia
7:40	8:40	1:00	<b>Giới thiệu về tầm nhìn</b>	
		0:10	1. Giới thiệu tóm tắt về tầm nhìn	Ông Hồng/Ông Tường
		0:30	2. Làm việc theo nhóm về tầm nhìn	Ông Hồng/Ông Tường/Ông Quốc/Ông Lương
		0:20	3. Các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm	Đại diện của các nhóm
8:40	8:45	0:05	Tổng hợp các kết quả để có đề xuất cuối cùng về tầm nhìn	Ông Hồng- Lập một nhóm làm nhiệm vụ trên cơ sở thành viên của 4 nhóm
8:45	8:55	0:10	Giải thích “các vấn đề” có liên quan đến việc xây dựng các mục tiêu	Ông Tường
8:55	9:15	0:20	Liệt kê các vấn đề trong PTKTĐP (áp dụng phương pháp động não)	Ông Hồng/Ông Tường
9:15	9:25	0:10	Nhóm các vấn đề theo chủ đề	Ông Hồng/ Ông Tường
<b>9:25</b>	<b>9:40</b>	<b>0:15</b>	<b>Nghỉ giải lao</b>	
9:40	11:00	1:20	<b>Xác định các mục tiêu</b>	
		0:10	1. Giải thích cách xây dựng mục tiêu dựa trên các vấn đề chính (theo quy tắc SMART)	Ông Hồng/ Ông Tường
		0:30	2. Làm việc theo nhóm về các mục tiêu	Ông Tường/Ông Hồng
		0:30	3. Các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm về các mục tiêu chung	Đại diện của các nhóm
		0: 10	4. Tổng hợp các mục tiêu	Ông Hồng/ Ông Tường
11:00	11:10	0:10	Trình bày và thảo luận ngắn về “tầm nhìn”	Nhóm làm nhiệm vụ; Ông Hồng

11:10	11:30	0:20	Xác định các mục tiêu ưu tiên	Tất cả
<b>11:30</b>	<b>1:30</b>	<b>2:00</b>	<b>Nghỉ trưa</b>	
1:30	1:40	0:10	Bài tập khởi động	
1:40	3:10	1:30	<b>Xác định các hành động/các dự án</b>	
		1:00	1. Thảo luận nhóm về xác định các kế hoạch hành động/các dự án cần đạt được căn cứ vào các mục tiêu	Ông Hồng/Ông Tường
		0:30	2. Các nhóm trình bày về các kế hoạch hành động/các dự án	Đại diện của các nhóm
3:10	3:25	0:15	Tổng hợp các kế hoạch hành động	Ông Hồng
<b>3:25</b>	<b>3:40</b>	<b>0:15</b>	<b>Nghỉ giải lao</b>	
3:40	4:00	0:20	Thống nhất các bước tiếp theo	Ông Hồng/Ông Tường
4:00	4:15	0:15	Nhận xét và phản hồi của các đại biểu	Tất cả các đại biểu
4:15	4:30	0:15	Bế mạc	UBND huyện; Ông Hans J. Wiemer
4:30	4:45	0:15	Chụp ảnh các đại biểu tham gia hội thảo	Tất cả các đại biểu

**Phụ lục 9. Danh sách các đại biểu tham dự**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị</b>
1	Nguyễn Thanh Hồng	Phòng KH - TC
2	Lê Thanh Phú	Phòng KH - TC
3	Trần Xuân Hoài	Phòng KH - TC
4	Nguyễn Xuân Vũ	Phòng KH - TC
5	Cao Xuân Tín	Phòng HTKT
6	Lê Minh	CT UBND xã Lê Hoá
7	Nguyễn Hải Quang	CB UBND xã Lê Hoá
8	Đặng Hiền	TT Đồng Lê
9	Lê Văn Giang	CB Phòng Kinh Tế
10	Nguyễn Hữu Quỳnh	CB phòng Kinh Tế
11	Trần Đức Nam	Phòng TNMT
12	Đoàn Thanh Hải	VP UBND huyện
13	Nguyễn Thành Trung	VP UBND huyện
14	Trần Trọng Kính	Doanh nghĐTT Tây Trúc
15	Trần Thị Hương	Hội PN huyện
16	Nguyễn Thị Lý	Tư Thương tại Đồng Lê
17	Đình Thị Phương	CT Mây tre Phương Bắc
18	Ngô Nữ Quỳnh Trang	Sở KHĐT
19	Lê Mẫn	Giám đốc dự ADB tỉnh
20	Nguyễn Quang Thành	Lâm Trường TH
21	Trần Quả	Tiến Hoá
22	Nguyễn Anh Quốc	CB Dự án MT Nghệ An
23	Nguyễn Thị Lan	TT HĐND huyện
24	Nguyễn Minh Tân	Trưởng phòng Kinh Tế
25	Nguyễn Văn Lương	Hội Nông dân
26	Mr. Wiemer	CTA- SMNR-CV
27	Đoàn Ngọc Lương	Dự án SMNR-CV
28	Trang Hiếu Tường	Dự án SMNR-CV
29	Phạm Văn Hồng	Chuyên gia tư vấn
30	Marianne Meijboom	Dự án SMNR-CV